

# MỘT SỐ BẤT CẬP TRONG THỰC TIỄN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ HỘ GIA ĐÌNH

Nguyễn Huy Cường\*

**T**rong cuộc sống có rất nhiều giao dịch, quan hệ tài sản có liên quan đến hộ gia đình (HGĐ). Tuy nhiên, đã trải qua 02 Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 1995 và 2005, quy định về HGĐ vẫn chưa được làm sáng tỏ, gây lúng túng cho cơ quan quản lý cũng như người dân đối với các mối quan hệ có liên quan đến vấn đề này.

## 1. Thế nào là HGĐ?

Trước tiên, chúng ta hiểu như thế nào là gia đình? Điều 8, Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “gia đình là tế bào của xã hội gồm có vợ chồng, cha mẹ và các con”. Như vậy, có thể nhận thấy, gia đình là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống với nhau.

Điều 106, BLDS 2005 quy định: “HGĐ mà các thành viên có tài sản chung, cùng đóng góp công sức để hoạt động kinh tế chung trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp hoặc một số lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác do pháp luật quy định là chủ thể khi tham gia quan hệ dân sự thuộc các lĩnh vực này”.

Bên cạnh đó, theo khoản 1, Điều 107, BLDS 2005 thì “Chủ hộ là đại diện của HGĐ trong các giao dịch dân sự vì lợi ích chung của hộ. Cha, mẹ hoặc một thành viên khác đã thành niên có thể là chủ hộ”.

Có thể nhận thấy, BLDS 2005 đã không quy định rõ ràng, cụ thể HGĐ là gì. Tuy nhiên, với những quy định trên, chúng ta có thể định nghĩa HGĐ như sau: “HGĐ là những thành viên có quan hệ hôn nhân, huyết thống, có tài sản chung, cùng đóng góp công sức để hoạt động kinh tế chung trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp hoặc một số lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác do pháp luật quy định, là chủ thể khi tham gia quan hệ dân sự thuộc các lĩnh vực này”.

Như vậy, để được xem là HGĐ phải bao gồm các yếu tố sau đây:

- Phải bao gồm những thành viên có quan hệ hôn nhân, huyết thống;
- Phải có tài sản chung;
- Cùng đóng góp công sức để hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

Tuy nhiên, vấn đề có tính then chốt là làm thế nào để xác định đó là một HGĐ. Phải chăng để xác định có phải là HGĐ hay không là dựa vào Sổ hộ khẩu (SHK). Theo Điều 24, Luật Cư trú thì “SHK được cấp cho HGĐ hoặc cá nhân đã đăng ký thường trú và có giá trị xác định nơi thường trú của công dân”.

Từ quy định trên cho thấy, SHK được cấp cho HGĐ đã đăng ký thường trú và chỉ có giá trị xác định nơi thường trú của công dân mà thôi, nó không có mối liên hệ gì đến các giao dịch của HGĐ được quy định tại BLDS.

Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 3, Điều 25, Luật Cư trú, những người không có mối quan hệ hôn nhân, huyết thống nếu được chủ hộ đồng ý cho nhập vào SHK cấp cho HGĐ thì được nhập chung vào SHK đó. Khi đó, những người này dù đã có chung SHK nhưng không có đủ các đặc điểm của HGĐ, nên họ không phải là thành viên HGĐ. Do đó, không thể dùng SHK để xác định đâu là HGĐ. Việc phân biệt giữa HGĐ và SHK là một tất yếu. Tránh nhầm lẫn là những người có cùng chung hộ khẩu thì được xem là HGĐ. Bởi lẽ trong cùng một SHK, có thể có nhiều người (trong đó bao gồm những người không có quan hệ hôn nhân, huyết thống với nhau), có người đi công tác phương xa, không ở địa phương nên không tham gia sản xuất, kinh doanh chung với các thành viên còn lại. Mặt khác, trong cùng một HGĐ, có thể có nhiều con cái đã lập gia đình, và mỗi người này đã có SHK riêng (có thể cùng hoặc khác địa chỉ), cùng nhau tạo lập tài sản

\* Ngân hàng Indovina, chi nhánh Cần Thơ.

chung, hàng ngày cùng nhau đóng góp công sức để hoạt động sản xuất, kinh doanh. Khi đó việc phân định thế nào là HGD là rất quan trọng, bởi lẽ nó liên quan đến quyền, nghĩa vụ tài sản của các thành viên. Như vậy, thành viên trong SHK không nhất thiết, đồng thời phải là thành viên của HGD. Ngược lại, thành viên trong HGD không nhất thiết, đồng thời phải cùng chung SHK.

## 2. Giao dịch của HGD

Điều 107, BLDS 2005 quy định:

*“1. Chủ hộ là đại diện của HGD trong các giao dịch dân sự vì lợi ích chung của hộ. Cha, mẹ hoặc một thành viên khác đã thành niên có thể là chủ hộ.*

*2. Giao dịch dân sự do người đại diện của HGD xác lập, thực hiện vì lợi ích chung của hộ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cả HGD”.*

Vậy chủ hộ của HGD là gì? Có khác biệt gì với chủ hộ trong SHK được quy định tại Luật Cư trú.

Chủ hộ của HGD là đại diện của HGD trong các giao dịch dân sự vì lợi ích chung của hộ và giao dịch dân sự do người đại diện của HGD xác lập, thực hiện làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cả HGD.

Trong khi đó, khoản 1, Điều 25, Luật Cư trú quy định: *“Mỗi HGD cử một người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ làm chủ hộ để thực hiện và hướng dẫn các thành viên trong hộ thực hiện quy định về đăng ký, quản lý cư trú”.* Theo đó, chủ hộ trong SHK chỉ có chức năng là để thực hiện và hướng dẫn các thành viên trong hộ khẩu thực hiện quy định về đăng ký, quản lý cư trú mà thôi, không thể có tư cách là đại diện cho cả hộ trong các giao dịch dân sự. Do đó, chủ hộ của HGD có thể đồng thời hoặc không đồng thời là chủ hộ trong SHK, nhưng chủ hộ trong SHK nhất thiết phải là thành viên của HGD. Và vì thế, không thể dùng tư cách là chủ hộ trong SHK để thực hiện các giao dịch dân sự cho cả hộ (trừ trường hợp được chủ hộ ủy quyền làm đại diện của hộ).

Mặt khác, theo quy định tại khoản 3, Điều 25, Luật Cư trú thì những người không có mối quan hệ hôn nhân, huyết thống nếu

được chủ hộ đồng ý thì vẫn được nhập chung vào SHK. Theo đó, một người nào đó (không phải người trong gia đình) vẫn có thể được công nhận là thành viên trong SHK. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1, Điều 25, Luật Cư trú thì mỗi HGD cử một người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ làm chủ hộ trong SHK. Như vậy, cho dù người nào đó đã được công nhận là thành viên trong SHK, nhưng không phải là thành viên HGD. Và vì thế, người đó chỉ có thể là thành viên trong SHK, không được làm chủ hộ trong SHK, vì người này không phải là thành viên của HGD.

Tuy nhiên, trong thực tế, nếu có bất kỳ giao dịch dân sự nào liên quan đến HGD thì cơ quan quản lý nhà nước, cũng như người dân luôn yêu cầu người đại diện phải là chủ hộ trong SHK. Mọi giao dịch phải xuất trình SHK và xem SHK như là một căn cứ để xác định thành viên của HGD. Theo đó, nếu ai có tên trong SHK là thành viên HGD. Và vì thế, khi có giao dịch dân sự thì tất cả những người có tên trong SHK phải kéo nhau ra cơ quan nhà nước để cùng nhau ký tên vào các giao dịch, như thế các giao dịch này mới được các cơ quan công nhận. Trong khi đó, như đã phân tích ở trên, chủ hộ trong SHK chỉ có chức năng là để thực hiện và hướng dẫn các thành viên trong hộ khẩu thực hiện quy định về đăng ký, quản lý cư trú mà thôi. Chủ hộ trong SHK không thể là đại diện cho cả hộ trong giao dịch dân sự như tư cách chủ hộ của HGD.

Từ thực tế trên đã và đang làm cho các giao dịch dân sự liên quan đến HGD bị hiểu và thực hiện lệch lạc đi so với quy định pháp luật về HGD. Thiết nghĩ, Việt Nam ta là một nước có truyền thống lâu đời, việc cả một đại gia đình cùng sinh sống và sản xuất chung với nhau là chuyện tất yếu. Tuy nhiên, nếu cứ dùng SHK để xác định HGD, thành viên HGD trong giao dịch dân sự là một sai lầm nghiêm trọng, cần nhanh chóng có những biện pháp khắc phục.

## 3. Quyền tài sản của HGD, thành viên HGD

Điều 108, BLDS 2005 quy định: *“Tài sản chung của HGD gồm quyền sử dụng đất,*

*quyền sử dụng rừng, rừng trồng của HGĐ, tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên hoặc được tặng cho chung, được thừa kế chung và các tài sản khác mà các thành viên thỏa thuận là tài sản chung của hộ”.*

Như vậy, tài sản của HGĐ được hình thành từ các nguồn sau đây:

- Do được Nhà nước cấp chung: quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng, rừng trồng;
- Do các thành viên đóng góp;
- Cùng nhau tạo lập, được tặng cho chung, thừa kế chung;
- Tài sản do các thành viên thỏa thuận là tài sản chung.

Có thể thấy tài sản chung của hộ có thể hình thành do pháp luật quy định, do sự tự nguyện đóng góp của các thành viên, do kết quả lao động chung của các thành viên và do các thành viên thỏa thuận.

Khoản 2, Điều 109, BLDS 2005 quy định: *“Việc định đoạt tài sản là tư liệu sản xuất, tài sản chung có giá trị lớn của hộ gia đình phải được các thành viên từ đủ mười lăm tuổi trở lên đồng ý; đối với các loại tài sản chung khác phải được đa số thành viên từ đủ mười lăm tuổi trở lên đồng ý”.*

Bên cạnh đó, tại khoản 2, Điều 110, BLDS 2005 quy định: *“Hộ gia đình chịu trách nhiệm dân sự bằng tài sản chung của hộ; nếu tài sản chung không đủ để thực hiện nghĩa vụ chung của hộ thì các thành viên phải chịu trách nhiệm liên đới bằng tài sản riêng của mình”.*

Từ những quy định trên cho thấy, tài sản chung của hộ là thuộc quyền sở hữu chung theo phần của các thành viên trong HGĐ. Theo đó, tất cả các thành viên của HGĐ đều có quyền tham gia định đoạt tài sản chung của hộ. Tuy nhiên, tùy vào tính chất giá trị tài sản mà cần tỷ lệ thành viên tán thành khác nhau. Mặt khác, nếu phát sinh rủi ro, thì phải dùng tài sản chung này để giải quyết. Nếu khối tài sản chung này không đủ để thực hiện nghĩa vụ, thì các thành viên phải liên đới chịu trách nhiệm bằng tài sản riêng của mình.

Như thế, việc xác định tư cách thành viên HGĐ là rất quan trọng. Bởi lẽ, nếu đã xác định được người nào đó là thành viên của HGĐ, thì mới xác định được các quyền sở hữu khối tài sản chung. Đồng thời, xác định được nghĩa vụ liên đới phát sinh nếu có rủi ro trong giao dịch của hộ. Nhưng vấn đề chính là xác định được thế nào là HGĐ, thành viên HGĐ? Từ đó mới có cơ sở để xác định tài sản nào là tài sản chung của hộ và việc định đoạt, phân chia tài sản đó ra sao.

Một gia đình nọ gồm có chồng là A, vợ là B, các con là C và D, đã được cấp SHK, có tài sản chung là quyền sử dụng đất thửa số XXX, diện tích 1.000m<sup>2</sup>, do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp cho cả hộ. Nay con một người bạn ông A là E muốn nhập chung vào hộ khẩu của gia đình ông A để thuận tiện cho việc đi học và đã được ông chấp thuận. A,B,C,D vẫn sản xuất nông nghiệp chung, còn E chỉ đăng ký thường trú để thuận tiện cho việc học hành, không có đóng góp gì vào chuyên sản xuất của gia đình. Sau đó vợ chồng A, B xin ly hôn và yêu cầu phân chia tài sản là quyền sử dụng đất thửa số XXX. Như vậy, tư cách của E lúc này là như thế nào? E có được chia tài sản theo phần không vì đây là tài sản chung của hộ, và do E cũng có tên trong SHK?

Như vậy để xác định E có phải là thành viên của HGĐ A không, chúng ta phải làm rõ các khía cạnh sau đây:

- Về mối quan hệ: E không có mối quan hệ hôn nhân, huyết thống với bất kỳ thành viên nào trong hộ;
- Về tài sản: E không có tài sản chung với cả hộ;
- Về hoạt động: E không cùng hoạt động sản xuất nông nghiệp;
- Về cư trú: E cùng hộ khẩu thường trú với cả gia đình A.

Từ phân tích trên cho thấy, E chỉ có quan hệ về cư trú với gia đình A, không có bất kỳ một yếu tố nào của thành viên HGĐ. Do đó, E không thể được xem là thành viên của hộ. Và vì thế không thể có các quyền tài sản như thành viên HGĐ.

Một ví dụ khác, gia đình nọ có vợ chồng là A,B, con là C,D, cùng SHK gia đình, được UBND huyện Y cấp 1.000m<sup>2</sup> đất nông nghiệp cho cả hộ. Vài năm sau, D lên thành phố Hồ Chí Minh học đại học và ở làm việc luôn trên đó, không cùng gia đình sản xuất nông nghiệp. Trong thời gian này, hộ ông A đã được người bà con xa tặng cho 1.000m<sup>2</sup> đất nông nghiệp ở gần nhà. Đồng thời, hộ ông A cũng có nhận chuyển nhượng thêm 1.000m<sup>2</sup> đất thổ cư. Tên trong cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều tên là hộ ông A. Sau đó, C yêu cầu phân chia tài sản của hộ, lúc này phải xác định tư cách của D như thế nào? D có được quyền chia tài sản không, nếu có thì được chia những tài sản nào?

Có thể nhận thấy đối với 1.000m<sup>2</sup> đất được UBND huyện Y cấp là tài sản chung của hộ, được cấp trong thời kỳ D vẫn đang cùng gia đình sản xuất nông nghiệp. Do đó, D vẫn có quyền nhận tài sản phân chia đối với phần đất này.

Đối với 1.000m<sup>2</sup> đất được tặng cho và 1.000m<sup>2</sup> đất do nhận chuyển nhượng. Đây là tài sản mà cả hộ được nhận tặng cho chung và nhận chuyển nhượng trong quá trình hoạt động sản xuất nông nghiệp. Do đó, các tài sản này được xem là tài sản chung của hộ. Tuy nhiên, D vẫn không có quyền nhận phần tài sản được phân chia này, bởi lẽ:

- Về quan hệ: D có mối quan hệ huyết thống với cả hộ;
- Về tài sản: D có tài sản chung với cả hộ (1.000m<sup>2</sup> đất được UBND huyện Y cấp);
- Về hoạt động sản xuất: không cùng đóng góp công sức để sản xuất nông nghiệp;
- Về cư trú: cùng SHK thường trú với cả hộ.

Do D làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh nhiều năm, không cùng gia đình sản xuất nông nghiệp, do đó không còn được xem là thành viên HGD. Và vì thế, 1.000m<sup>2</sup> đất được tặng cho, và 1.000m<sup>2</sup> đất nhận chuyển nhượng trong thời gian này đã không thể có phần của D.

Một ví dụ khác cho thấy bất cập trong việc xác định HGD và thành viên HGD trong thực tiễn cuộc sống của chúng ta. Một gia

đình nọ, có vợ chồng là A,B, các con là C,D,E, cùng được UBND huyện X cấp 2.000m<sup>2</sup> đất nông nghiệp. Về sau các con đã lớn và đã lập gia đình, cất nhà riêng trên cùng mảnh đất được Nhà nước giao và đều có SHK riêng. Tuy nhiên, công việc sản xuất, kinh doanh hàng ngày đều do tất cả các thành viên gia đình ông A thực hiện. Như vậy, tư cách của cả vợ chồng C,D,E trong trường hợp này được xác định như thế nào?

Để xác định vợ chồng của cả C,D,E có phải thành viên của HGD ông A hay không, chúng ta xem xét ở các góc độ sau đây:

- Về quan hệ: mối quan hệ hôn nhân, huyết thống với hộ ông A;
- Về tài sản: có tài sản chung với cả hộ (2.000m<sup>2</sup> đất được UBND huyện X cấp);
- Về hoạt động sản xuất: cùng nhau đóng góp công sức để sản xuất, kinh doanh nông nghiệp;
- Về cư trú: các thành viên không cùng SHK thường trú.

Như thế, tất cả các yếu tố để xác định HGD đã thỏa mãn, ngoại trừ vấn đề về cư trú. Như đã phân tích tại trên, pháp luật không đề cập là những người có cùng hộ khẩu là HGD. Bên cạnh đó, luật cũng đã công nhận người không có quan hệ hôn nhân, huyết thống vẫn được nhập vào SHK gia đình. Do đó, yếu tố SHK không thể được dùng để xác định tư cách HGD, cũng như tư cách thành viên HGD.

Mặt khác, cũng có những trường hợp tuy đã là thành viên của hộ gia đình, nhưng do nhu cầu cuộc sống phát sinh, các thành viên này đã đi làm việc nơi xa, không còn sản xuất chung với cả hộ cho dù vẫn chung SHK. Nếu có rủi ro về giao dịch dân sự, phải chịu trách nhiệm liên đới bằng tài sản riêng của các thành viên đó, thì đây quả là một nghịch lý. Bởi lẽ, những người này đã không có đủ yếu tố là thành viên HGD ( không cùng đóng góp công sức để sản xuất), cho dù trước đây họ từng là thành viên của hộ. Ý chí, cũng như hành động thực tế đã chứng minh họ không còn là thành viên của hộ, nhưng tại

(Xem tiếp trang 42)

kể từ thời điểm đăng ký quyền sở hữu", thì việc "cho đất" này còn vi phạm về thủ tục theo quy định của pháp luật.

Qua những vấn đề trình bày ở trên, tôi cho rằng không có cơ sở pháp lý trong việc xác định diện tích đất 518m<sup>2</sup> vợ chồng anh M, chị X được ông T tạm giao trước đây là tài sản chung của vợ chồng anh M, chị X.

Từ thực tiễn giải quyết tranh chấp vụ án này, tôi cho rằng đối với việc xác định quyền sử dụng đất là tài sản chung hay tài sản riêng của vợ chồng trong trường hợp đất bố mẹ cho vợ chồng con làm nhà trên đất đó, nên chăng cần thống nhất trên một số nguyên tắc cơ bản sau:

- *Thứ nhất:* Xác định nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, công sức duy trì, tôn tạo mảnh đất đó;

- *Thứ hai:* Xác định ý chí của bố mẹ trong việc cho vợ chồng đất, cho chung hay cho riêng; cho hay tạm giao;

- *Thứ ba:* Xác định tính hợp pháp của giao dịch dân sự - hiệu lực của hợp đồng tặng cho bất động sản đặc biệt là liên quan đến nội dung cụ thể của hợp đồng. Từ đó, vận dụng các quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, các văn bản hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao trong việc xác định tài sản chung hay tài sản riêng của vợ chồng áp dụng vào các vụ án cụ thể, trên cơ sở các chứng cứ cụ thể để có được những nhận định và phán quyết đúng pháp luật, hợp lý, hợp tình nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên đương sự.

*(Tiếp theo trang 37 - Một số bất cập trong ...)*

sao lại vẫn "công nhận mặc nhiên" họ là thành viên HGD? Phải chăng do họ có chung SHK? Vậy pháp luật đã có những quy định gì để bảo vệ họ trong trường hợp này.

**4. Kiến nghị**

Từ những nhận định trên cho thấy, suy cho cùng chúng ta không thể dựa vào SHK để xác định một nhóm người nào đó cùng đăng ký thường trú tại một địa chỉ là HGD. Trong thực tế, đã có không ít cơ quan quản lý nhà nước (trong đó có cả cơ quan tư pháp) đã dựa vào SHK để xác định HGD và phân chia tài sản của hộ. Thiết nghĩ, đây là một loại hình sản xuất, kinh doanh đặc biệt (chỉ bao gồm những thành viên có quan hệ hôn nhân, huyết thống) theo loại hình hộ kinh doanh cá thể (khoản 2, Điều 36 Nghị định 88/2006/NĐ-CP về đăng ký kinh doanh quy định: "*HGD sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp không phải đăng ký kinh doanh*"). Chúng ta có thể nhận thấy HGD có rất nhiều điểm tương đồng so với một doanh nghiệp về nghĩa vụ tài sản. Bao gồm:

- Do các thành viên đóng góp;
- Cùng nhau tạo lập, được tặng, cho chung, thừa kế chung;
- Tài sản do các thành viên thỏa thuận là tài sản chung;

- Chịu trách nhiệm dân sự bằng tài sản chung của hộ; nếu tài sản chung không đủ để thực hiện nghĩa vụ chung của hộ thì các thành viên phải chịu trách nhiệm liên đới bằng tài sản riêng của mình.

Do đó, đã đến lúc chúng ta cần phải có các biện pháp quản lý HGD như đối với một doanh nghiệp để đảm bảo cho loại hình này được phát triển ổn định. Tuy nhiên, vấn đề khó khăn nhất hiện nay chính là làm thế nào để có thể nhận biết đâu là thành viên HGD? Phải chăng cần phải có sổ đăng ký thành viên HGD như đối với doanh nghiệp hay không? Có cần phải đăng ký chủ hộ của HGD không? Nếu chúng ta quản lý được danh sách, cũng như sự biến động, thay đổi của thành viên HGD, chúng ta sẽ dễ dàng hơn trong việc xác định tư cách thành viên cũng như giải quyết các vấn đề liên quan đến tài sản chung của hộ.

Nếu những khó khăn vướng mắc trên được tháo gỡ, sẽ đảm bảo được quyền sản xuất, kinh doanh của HGD, bảo đảm quyền, nghĩa vụ tài sản của các thành viên HGD. Và như thế sẽ thuận lợi hơn cho cơ quan quản lý nhà nước cũng như người dân trong quá trình thực hiện, đảm bảo pháp luật có thể thực hiện trong cuộc sống.